

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án”

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 440/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

Do Quyết định số 16/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 980/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1.1. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Bà Trần Kim O, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông T, bà O: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1984 – là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày 14/12/2023 và ngày 18/12/2023) (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau;

Địa chỉ liên hệ: số C đường H, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1953;

2.2. Bà Lương Thị X, sinh năm 1955;

2.3. Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1973;

2.4. Bà Ngô Thị D1, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông D, bà X, ông T1, bà D1: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 – là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2023) (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng;

Tạm trú: ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2.5. Ông Ngô Văn L1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

2.6. Ông Ngô Văn X1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

2.7. Bà Trần Thị Hoài Diễm T2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

2.8. Cháu Ngô Thị Yến V, sinh năm 2010 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của cháu Yến V: Ông Ngô Văn L1, sinh năm 1980 – là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị Dư .

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo nội dung quyết định sơ thẩm;

Bà Dương Mỹ L2 là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Tấn T, bà Trần Kim O trình bày:

Ông T, bà O là người được thi hành án theo Quyết định thi hành án số 257/QĐ.THA và 258/QĐ.THA cùng ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình thi hành án ông D, bà X không tự nguyện thi hành án nên cơ quan thi hành án xác minh người phải thi hành án là ông D, bà X có các tài sản là: thửa đất số 412, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.043,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00767 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 09/01/2015 và thửa đất số 109, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.342m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01706 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 18/6/2009.

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên cấp cho hộ nên không thể thi hành án theo quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy được. Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 09/11/2022 và Đơn thay đổi yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 20/7/2023 ông T, bà O yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 412 và thửa đất số 109 là tài sản chung của ông D, bà X; thay đổi yêu cầu, yêu cầu Tòa án xác định phần quyền

sử dụng đất của ông D, bà X trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 412 và thửa đất số 109 cấp cho hộ ông Ngô Văn D để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên họp sơ thẩm:

Bà Dương Mỹ L2 yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của ông D, bà X trong khối tài sản chung là: quyền sử dụng đối với thửa đất số 412, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.043,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00767 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 09/01/2015 và thửa đất số 109, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.342m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01706 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 18/6/2009. Chị L2 có ý kiến thửa đất số 412 cấp cho hộ ông D ngày 09/01/2015, tại thời điểm cấp đất hộ ông D có 04 thành viên là ông D, bà X, ông L1, cháu Yến V, riêng đối với cháu Yến V còn nhỏ, không có công sức đóng góp nên yêu cầu xác định thửa đất số 412 thuộc quyền sử dụng của 03 thành viên là ông D, bà X, ông L1, mỗi người có 1/3 quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất số 109 cấp cho hộ ông D ngày 18/6/2009 và tại thời điểm cấp đất hộ ông D có 07 thành viên là ông D, bà X, ông T1, ông X1, bà D1, ông L1 và bà T2 nên mỗi người có 1/7 quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn D, Lương Thị X, Ngô Văn T1 và Ngô Thị D1 không đồng ý đối với yêu cầu của ông T, bà O. Ông L có ý kiến: thửa đất số 412 có nguồn gốc do cấp đổi từ thửa 1366, 1367 là tài sản chung của hộ được cấp giấy đất năm 2000, tại thời điểm cấp đất năm 2000 hộ có 6 thành viên nên yêu cầu chia cho 6 thành viên tại thời điểm cấp đất. Đối với các thửa đất số 1375, 1376, 1377 và 1378 cấp cho hộ ông D ngày 09/01/2015, tại thời điểm được cấp đất hộ ông D có 4 thành viên nên yêu cầu chia cho 4 thành viên tại thời điểm cấp đất. Đối với thửa đất số 109 cấp cho hộ ông D ngày 18/6/2009 và tại thời điểm cấp đất hộ ông D có 07 thành viên nên đồng ý chia cho 07 thành viên hộ ông D tại thời điểm cấp đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Yến V, Trần Thị Hoài Diễm T2, Ngô Văn X1, Ngô Văn L1 vắng mặt.

Quyết định số 16/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 144, Điều 149, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 102, Điều 212 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Tấn T và bà Trần Kim O.

- Xác định thửa đất số 412, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.043,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00767 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 09/01/2015 là tài sản chung của hộ ông D gồm 3 thành viên là ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn L1. Ông D, bà X mỗi người có 1/3 quyền sử dụng đối với thửa đất số 412, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.043,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00767 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 09/01/2015.

- Xác định thửa đất số 109, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.342m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01706 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 18/6/2009 là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Ngô Văn D.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về lệ phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị D1 có đơn kháng cáo toàn bộ quyết định sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 16/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang để giải quyết lại bằng một vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất trong hộ theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên họp phúc thẩm;

Ông Nguyễn Tấn T và bà Trần Kim O vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị D1 thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa quyết định sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà O.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Hội đồng phúc thẩm, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Hội đồng phúc thẩm thảo luận đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 109 là tài sản của cá nhân ông Ngô Văn D là chưa chính xác vì ông D và bà X sống chung trước năm 1987 nên theo Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, thửa đất số 109 là tài sản chung của vợ chồng. Tuy vậy, tại phiên họp, người yêu cầu thay đổi yêu cầu, không yêu cầu xác định thửa đất 109 là tài sản chung của vợ chồng nên không thể sửa quyết định sơ thẩm án mà cần hủy một phần quyết định sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại đối với yêu cầu xác định tài sản chung để thi hành án là thửa đất 109. Đối với thửa đất 412, căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu thể hiện thành viên hộ Ngô Văn D gồm 06 thành viên nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 412 là tài sản chung của 03 thành viên là không có căn cứ. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần quyết định sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác quan hệ pháp luật theo yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự, thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự gồm: Ngô Văn L1, Ngô Văn X1, Trần Thị Hoài Diễm T2 có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị Dư .

Nhận thấy, quyết định sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T, bà O là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không phù hợp với quy định của luật.

Thứ nhất, việc xác định thửa đất số 109, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.342m², loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01706 cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 18/6/2009 là tài sản thuộc quyền sử dụng của cá nhân ông Ngô Văn D là chưa chính xác. Bởi lẽ, thửa đất 109 có nguồn gốc là thửa 1375, loại đất lúa, được cấp quyền sử dụng đất ngày 04/8/1997 cho cá nhân ông Ngô Văn D (bút lục 139-146). Xét thấy, ông Ngô Văn D và bà Lương Thị X sống chung trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 về chế độ tài sản chung của vợ chồng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 109 là tài sản của cá nhân ông D là chưa có cơ sở.

Tại phiên họp phúc thẩm, ông L xác định tại phiên họp sơ thẩm, phía đại diện người yêu cầu và anh là đại diện của ông D, bà X, ông T1, bà D1 cùng thống nhất xác định thửa đất 109 là tài sản chung của hộ ông Ngô Văn D gồm 07 thành viên. Xét thấy, biên bản phiên họp sơ thẩm ngày 29/9/2023 (bút lục 149-150) thể hiện đúng nội dung ông L trình bày nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện của các bên về nội dung trên là trái với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy vậy, tại phiên họp phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người yêu cầu không đồng ý với kháng cáo của ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị D1, đề nghị giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Hội đồng phúc thẩm nhận thấy tại phiên họp sơ thẩm, người yêu cầu đã thay đổi yêu cầu, không yêu cầu xác định thửa đất 109 là tài sản chung của vợ

chồng ông D, bà X mà là tài sản chung của hộ Ngô Văn D nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể sửa quyết định sơ thẩm do vượt quá phạm vi yêu cầu của người yêu cầu nên cần hủy một phần quyết định sơ thẩm về nội dung này.

Thứ hai, việc xác định thửa đất số 412, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.043,5m², loại đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00767 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 09/01/2015 là tài sản chung của hộ ông D gồm 3 thành viên: ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn L1 là không có cơ sở. Nhận thấy, thửa đất 412 có nguồn gốc là thửa 108, được nhập từ các thửa 1376, 1377, 1378, cùng loại đất lúa được cấp quyền sử dụng đất ngày 04/8/1997 cho ông Ngô Văn D (bút lục 78-100) và các thửa 1366, 1367 cấp quyền sử dụng đất ngày 11/3/2003, cùng loại đất Q, cho hộ ông Ngô Văn D (thời điểm cấp lần đầu vào ngày 31/10/2000 cho hộ ông Ngô Văn D). Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất thể hiện ông D, bà X lập bản cam kết về việc xin nhập các thửa đất vào chung một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ngày 07/01/2015 (bút lục 84). Hồ sơ kèm theo sổ hộ khẩu gia đình gồm các thành viên: Ngô Văn D (chủ hộ), Lương Thị X, Ngô Văn T1, Ngô Văn X1, Ngô Văn L1, Ngô Thị Dư . Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào xác nhận thành viên hộ tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau cùng là ngày 09/01/2015, hộ ông Ngô Văn D gồm các thành viên ông D, bà X, ông L1 mà không căn cứ vào nguồn gốc đất ban đầu là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên khác trong hộ. Do đó, cần xác định thửa đất 412 là tài sản chung của hộ Ngô Văn D gồm 6 thành viên Ngô Văn D (chủ hộ), Lương Thị X, Ngô Văn T1, Ngô Văn X1, Ngô Văn L1, Ngô Thị Dư .

Từ phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị D1, hủy một phần quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm đối với việc xác định phần quyền sử dụng thửa đất 109 nêu trên để thi hành án theo yêu cầu của ông T, bà O.

[3] Về lệ phí: Do hủy một phần quyết định sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm. Lệ phí dân sự sơ thẩm được xem xét lại khi việc dân sự được giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 375, khoản 9 Điều 27, Điều 38, Điều 144, Điều 149, Điều 374 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 102, Điều 212 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị Dư .

1. Hủy một phần Quyết định sơ thẩm số 16/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm về yêu cầu xác định phần quyền sử dụng thửa đất số 109, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.342m², loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01706 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 18/6/2009, để thi hành án theo yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T, bà Trần Kim O.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Tấn T và bà Trần Kim O.

Xác định thửa đất số 412, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.043,5m², loại đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00767 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn D ngày 09/01/2015 là tài sản chung của hộ ông D gồm 06 thành viên là ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn L1, Ngô Văn T1, Ngô Văn X1, Ngô Thị Dư .

Ông D, bà X mỗi người có 1/6 quyền sử dụng đối với thửa đất số 412, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.043,5m², loại đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về lệ phí:

Lệ phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn D, bà Lương Thị X, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị D1 không phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị D1 số tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm đã nộp mỗi người là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0018061, 0018062 cùng ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Ánh Phương